TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ H
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2020/HS-ST
Ngày 07 – 01 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Thanh Phong;

Ông Nguyễn Văn Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Minh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1987 tại tỉnh Đồng Tháp. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm An L, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở hiện nay: Khóm An L, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1956 và bà Lâm Thị M, sinh năm 1956 (đã chết); có vợ Lê Thị Mỹ T2, sinh năm 1993 và một con tên Nguyễn Duy T3, sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không có; tạm giữ: Ngày 12/11/2019; tạm giam: Từ ngày 15/11/2019 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã H, tỉnh Đồng Tháp (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại:* Ngô Hồng D, sinh năm 1986 (Có mặt);

Nơi cư trú: Khóm An L, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Huỳnh Thị Ngọc P, sinh năm 1989 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Khóm Long T, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

* Người làm chứng:

1. Nguyễn Văn T1, sinh năm 1956 (Vắng mặt);

2. Võ Thị Tuyết M, sinh năm 1972 (Vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: Khóm An L, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn T là người làm thuê tại Cửa hàng vật liệu xây dựng Sáu Dài II, địa chỉ: Khóm An L, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp, công việc là lái xe cần cẩu bóc hàng vật liệu xây dựng.

Vào khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 26/01/2017, bị cáo T phát hiện chiếc điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy S7 màu hồng của bị hại Ngô Hồng D (là người quản lý cửa hàng) để trên bàn trong phòng của bị hại D mà không có người trông coi nên bị cáo T lén lút lấy trộm rồi cất giấu tài sản. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, bị cáo T mượn xe mô tô của anh Nguyễn Văn L - anh ruột bị cáo T (xe không rõ biển số) điều khiển đến thị xã T, tỉnh An Giang bán cho cửa hàng điện thoại di động "D" với giá 7.000.000 đồng. Số tiền có được bị cáo T sử dụng tiêu xài cá nhân. Sau khi phát hiện tài sản bị mất trộm bị hại D đến Công an phường A trình báo sự việc.

Ngày 28/7/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H, tỉnh Đồng Tháp khởi tố vụ án; khởi tố bị can và ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với bị cáo Nguyễn Văn T về tội trộm cắp tài sản. Qua xác minh bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H quyết định truy nã bị cáo. Đến ngày 12/11/2019, bị cáo Nguyễn Văn T ra đầu thú.

Trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với các lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Vật chứng vụ án Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã thu giữ: 01 hóa đơn giá trị gia tăng (tên hàng hóa là chiếc điện thoại di động hiệu SAMSUNG

Galaxy S7 Edge pink gold), còn chiếc điện thoại di động hiệu SAMSUNG Galaxy S7 Edge pink gold không thu hồi được.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 27/BB-HĐĐG ngày 19/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận: Chiếc điện thoại di động hiệu SAMSUNG Galaxy S7 Edge pink gold màu hồng giá trị còn lại là 13.592.000đồng.

* Về dân sự: Bị cáo T đã tự nguyện bồi thường cho bị hại D số tiền 1.000.000đồng, bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại là 12.592.000đồng. Bị cáo đồng ý nhưng chưa có khả năng trả tiền.

Qua điều tra, bị cáo Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 01/CT-VKS-HS ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về Tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đúng như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát, lời nhận tội của bị cáo T phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, bị hại Ngô Hồng D khai: Vào khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 26/01/2017, bị hại bị mất trộm chiếc điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy S7 Edge pink gold màu hồng. Sau này, bị hại mới biết người lấy trộm chiếc điện thoại là bị cáo T và bị cáo T đã tự nguyện khắc phục được 1.000.000đồng. Bị hại thống nhất giá trị của điện thoại di dộng bị mất nêu trên là 13.592.000đồng.

Nay, bị hại Ngô Hồng D yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản (điện thoại di động) với số tiền còn lại là 12.592.000đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Huỳnh Thị Ngọc P khai: Có mua một chiếc điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy S7 màu hồng do một người phụ nữ bán, chứ không có mua điện thoại nêu trên do người nam bán.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã H thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm đã phát biểu lời luận tội: Căn cứ vào khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) và khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội trộm cắp tài sản có mức hình phạt từ 06 tháng đến 03 năm, tuy nhiên đối chiếu các khoản trong điều luật thì tại khoản 4 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) quy định tội trộm cắp tài sản có mức hình phạt từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân, còn tại khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định tội trộm cắp tài sản có mức hình phạt từ 12 năm đến 20 năm. Xét thấy mặc dù mức hình phạt tại khoản 1 của hai điều luật

như nhau, nhưng cả điều luật thì hình phạt của Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) có mức cao hơn so với Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015; áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T từ 06 tháng đến 09 tháng tù; đề nghị căn cứ vào Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo Nguyễn Văn T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Ngô Hồng D với số tiền 12.592.000đồng như thỏa thuận.

Bị cáo Nguyễn Văn T thống nhất với nội dung luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo, là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được đầy đủ hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; bản thân bị cáo là người làm thuê tại Cửa hàng vật liệu xây dựng Sáu Dài II có thu nhập nhưng vì lòng tham, muốn nhanh chóng có tiền để tiêu xài cá nhân nên bị cáo Tđã có hành vi lén lút lấy trộm của bị hại D một chiếc điện thoại di động hiệu SAMSUNG Galaxy S7 Edge pink gold màu hồng để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 27/BB-HĐĐG ngày 19/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận: Chiếc điện thoại di động hiệu SAMSUNG Galaxy S7 Edge pink gold màu hồng giá trị còn lại là 13.592.000đồng.

[3] Như vậy, đã có đủ chứng cứ để kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm tội trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố.

[4] Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra trước 00 giờ 00 phút, ngày 01 tháng 01 năm 2018, căn cứ Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) và khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung

năm 2017) quy định tội trộm cắp tài sản có mức hình phạt từ 06 tháng đến 03 năm, tuy nhiên đối chiếu các khoản trong điều luật thì tại khoản 4 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) quy định tội trộm cắp tài sản có mức hình phạt từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân, còn tại khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định tội trộm cắp tài sản có mức hình phạt từ 12 năm đến 20 năm. Xét thấy mặc dù mức hình phạt tại khoản 1 của hai điều luật như nhau, nhưng so sánh cả điều luật thì hình phạt của Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) có mức hình phạt cao hơn so với Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015; áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xét xử đối với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Tại Điều 173. Tội trộm cắp tài sản quy định: *"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đồng đến dưới 50.000.000đồng hoặc dưới 2.000.000đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm…"*.

[6] Tội phạm mà bị cáo gây ra đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại D, đồng thời còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Hiện nay, tình hình trộm cắp trên cả nước nói chung và trên địa bàn thị xã H nói riêng xảy ra ngày càng nhiều với thủ đoạn hết sức tinh vi. Nhằm để ổn định trật tự trị an ở địa phương, góp phần vào công cuộc phòng, chống và ngăn ngừa tội phạm, Hội đồng xét xử xét thấy phải xử phạt bị cáo mức hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 03 (ba) tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại một phần hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, và bị cáo đầu thú được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[8] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy khi lượng hình cũng cần phải xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt và có mức án tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo để thể hiện tính nghiêm minh, nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa, nhằm giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời cũng răn đe phòng ngừa chung.

[9] Đối với chị Huỳnh Thị Ngọc P là chủ cửa hàng điện thoại di động D: Căn cứ vào lời khai của bị cáo có bán cho chị P chiếc điện thoại hiệu SAMSUNG Galaxy S7 Edge pink gold màu hồng do bị cáo T lấy trộm, khi bán bị cáo T nói tài sản của bị cáo, khi mua điện thoại chị P cũng không biết tài sản do phạm tội mà có, nên Viện kiểm sát không truy tố đối với chị P về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[10] Đối với anh Nguyễn Văn L là người cho bị cáo T mượn xe mô tô, khi mượn xe bị cáo T không nói đi bán tài sản trộm, nên Viện kiểm sát không truy tố đối với anh L với vai trò đồng phạm, nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo và bị hại thống nhất thỏa thuận giá trị chiếc điện thoại di động hiệu SAMSUNG Galaxy S7 Edge pink gold màu hồng là 13.592.000đồng, nhưng bị cáo đã bồi thường cho bị hại được 1.000.000đồng; bị cáo đồng ý bồi thường thêm cho bị hại số tiền còn lại 12.592.000đồng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí hình sự, dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng và chịu án phí dân sự sơ thẩm là 629.600đồng, tổng cộng 829.600đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội trộm cắp tài sản.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ: Ngày 12/11/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Văn T với bị hại Ngô Hồng D; bị cáo Nguyễn Văn T đồng ý bồi thường thiệt hại về tài sản (điện thoại di động) cho bị hại Ngô Hồng D số tiền 12.592.000đồng (Mười hai triệu năm trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ khi bị hại Ngô Hồng D có đơn yêu cầu thi hành án, mà bị cáo Nguyễn Văn T chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí hình sự, dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng và chịu án phí dân sự sơ thẩm là 629.600đồng, tổng cộng 829.600đồng (Tám trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm đồng).

Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Văn T, bị hại Ngô Hồng D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07 tháng 01 năm 2020). Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Ngọc P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc tống đạt theo quy định của pháp luật.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND TX. Hồng Ngự;
- Cơ quan Điều tra Công an TX. Hồng Ngự;
- Cơ quan THA HS Công an TX. Hồng Ngự;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Trung